

Bản án số: 553/2017/DSST

Ngày: 31- 8- 2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Hồng Phương.

2. Ông Nguyễn Mạnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp, cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2015/TLST-DS, ngày 25/5/2016, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1628 /2017/QĐST-DS ngày 24/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1788/2017/QĐST - DS ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: đường T, phường L, quận H, Tp. Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Phát H, sinh năm 1976

Địa chỉ chi nhánh: đường N, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh, (Có mặt).

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1982

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm : 1984

Cùng địa chỉ: đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH TM Du lịch T (nay là Công ty TNHH công nghệ T); (Vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: đường N, Phường M, quận P, Tp. HCM

2. Ông Nguyễn Mai H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: đường T, Phường C, Quận B, Tp.HCM;(*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Phát H đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N trình bày: Ngày 03/12/2013 Ngân hàng TMCP N(gọi tắt là Ngân hàng có ký với ông Nguyễn Trọng N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Amex số A0726549 và thẻ tín dụng Visa số V0733905 loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông Nguyễn Trọng N với tổng hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng. Ngày 03/12/2010 Công ty TNHH thương mại du lịch T đã ký thư bảo lãnh với nội dung “Chấp nhận bảo lãnh cho ông Nguyễn Trọng N được mở thẻ Visa và thẻ Amex với hạn mức 10.000.000 đồng/thẻ. Trường hợp Công ty không thực hiện thanh toán đúng hạn theo yêu cầu của Ngân hàng, Ngân hàng được quyền thu nợ từ bất cứ tài sản nào của Công ty mà không cần sự đồng ý của Công ty”. Ngày 09/01/2014, Ngân hàng tăng hạn mức hai thẻ tín dụng lên 99.000.000 đồng được ông Nguyễn Mai H bảo lãnh với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng cho thẻ Amex và 49.000.000 đồng cho thẻ Visa.

Cùng ngày tháng tương tự như trên Ngân hàng cũng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh H, loại thẻ Amex số A0726548 và thẻ tín dụng Visa số 0733904 với tổng hạn mức là 20.000.000 đồng và cũng được Công ty TNHH thương mại du lịch T bảo lãnh 10.000.000 đồng cho mỗi thẻ. Ngày 09/01/2014 Ngân hàng tăng hạn mức tín dụng lên 99.000.000 đồng cho hai thẻ và được ông Nguyễn Mai H bảo lãnh tương tự như ông N.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N, bà H đã sử dụng để chi tiêu cá nhân và theo thỏa thuận hàng tháng ông N, bà H có thể trả hết số nợ hoặc trả tiền thanh toán tối thiểu theo quy định thể hiện trên sao kê của Ngân hàng nhưng ông N, bà H không thanh toán đúng hạn. Tính đến ngày 29/3/2016, ông N còn nợ gốc của thẻ Amex là 47.445.017 đồng, tiền lãi 6.503.399 đồng, phí chậm thanh toán là 8.850.779 đồng. Tổng nợ là 64.211.658 đồng. Đối với thẻ Visa nợ gốc là 48.857.480 đồng, tiền lãi 6.547.836 đồng, phí chậm thanh toán là 9.257.189 đồng. Tổng tiền là 63.250.042 đồng. Tổng số tiền của hai thẻ là 124.461.700 đồng

Tính đến ngày 20/3/2016, bà H nợ gốc thẻ Amex là 34.750.397 đồng, tiền lãi là 8.144.761 đồng, phí chậm thanh toán là 11.091.980 đồng. Tổng nợ là 53.987.138 đồng. Đối với thẻ Visa nợ gốc là 48.284.528 đồng, nợ lãi là 10.662.869 đồng, phí chậm thanh toán là 19.599.527 đồng. Tổng dư nợ là 78.546.924 đồng. Tổng số tiền của hai thẻ là 132.534.062 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông N, bà H trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày xét xử

bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Trường hợp ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc Công ty TNHH thương mại du lịch T và ông Nguyễn Mai H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như đã cam kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông H trình bày: Ông H thừa nhận có đứng ra bảo lãnh cho ông N, bà H mở hai thẻ tín dụng cho mỗi người. Mỗi thẻ là 10.000.000 đồng nhưng khi ông nghỉ việc Ngân hàng mới yêu cầu ông viết giấy cam kết và đưa giấy bảo lãnh cho ông ký nhưng khi ký phía trên giấy bảo lãnh chưa điền đầy đủ thông tin, sau này Ngân hàng điền sau chữ ông không hề biết việc tăng hạn mức của hai thẻ Amex và Visa của ông N, bà H lên 49.000.000 đồng và 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu buộc ông N phải trả số tiền gốc còn lại của thẻ Amex là 47.445.017 đồng, tiền lãi là 18.312.976 đồng, phí chậm thanh toán 40.113.846 đồng; tiền gốc của thẻ Visa là 48.857.480 đồng, tiền lãi là 18.644.580 đồng, phí chậm thanh toán 43.061.677 đồng, tạm tính đến ngày 31/8/2017 ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Buộc bà H phải trả tiền gốc của thẻ Amex là 34.750.397 đồng, tiền lãi là 16.761.963 đồng, phí chậm thanh toán 38.340.590 đồng; tiền gốc của thẻ Visa là 48.284.528 đồng, tiền lãi 22.661.670 đồng, phí chậm thanh toán 62.901.996 đồng, tạm tính đến ngày 31/8/2017 ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông N, bà H chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử ông N, bà H phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên.

Trường hợp ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc Công ty TNHH thương mại du lịch T trả nợ cho Ngân hàng như thư bảo lãnh đã cam kết là 10.000.000 đồng cho mỗi thẻ và ông Nguyễn Mai H chỉ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là 40.000.000 đồng cho thẻ tín dụng Amex và Visa của ông N (mỗi thẻ 20.000.000 đồng) và 40.000.000 đồng cho thẻ tín dụng Amex và Visa của bà H (mỗi thẻ 20.000.000 đồng).

Phía bị đơn, ông N bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng N là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Du lịch T và ông Nguyễn Mai H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm Điều 70 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội

dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thị Thanh H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP N vào ngày 03/12/2013, do đó có cơ sở xác định giữa ông N, bà H và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự như qui định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”. Ông N, bà H cư ngụ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP N về việc buộc ông Nguyễn Trọng N trả cho Ngân hàng số tiền gốc của hai thẻ tín dụng Amex và Visa là 96.302.497 đồng và bà Nguyễn Thị Thanh H trả cho Ngân hàng số tiền gốc của hai thẻ tín dụng Amex và Visa là 83.034.925 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 03/12/2013, ông N, bà H có ký với Ngân hàng TMCP N hợp đồng sử dụng mỗi người hai thẻ tín dụng là Amex và Visa. Ông N đã sử dụng hai thẻ trên và thanh toán theo từng tháng, khi sử dụng đến tháng 8 năm 2015 ông N không trả tiền cho Ngân hàng nữa. Bà H cũng đã sử dụng hai thẻ Amex và Visa và thanh toán theo từng tháng, khi sử dụng đến tháng 6 năm 2015 bà H không trả tiền cho Ngân hàng nữa mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Do ông N, bà H vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng quy định trong hợp đồng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 của hợp đồng nên việc Ngân hàng thông báo thu hồi nợ là có cơ sở.

[4] Về tiền lãi: Theo hợp đồng thỏa thuận, hàng tháng ông N, bà H có phải thanh toán cho ngân hàng các khoản nợ phát sinh nhưng ông N, bà H không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 15% năm và mức lãi suất này được tính thay đổi theo quy định của từng thời kỳ, phí phạt chậm trả là 3% số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ trước chưa thanh toán. Tiền lãi phát sinh tính

đến ngày 31/8/2017 theo bảng kê của Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ nhưng ông N, bà H không đến tòa để trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào yêu cầu của Ngân hàng thì việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc ông N, bà H có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét, hai giấy bảo lãnh ngày 03/12/2013 của Công ty TNHH TM Du lịch T bảo lãnh cho ông N và bà H được mở thẻ tín dụng hạn mức 10.000.000 đồng/ thẻ được giám đốc Công ty là ông Nguyễn Trọng N ký xác nhận. Tòa án đã triệu tập đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào giấy bảo lãnh được xem là hợp đồng bảo lãnh một phần nghĩa vụ cho bị đơn. Do đó, trong trường hợp Ông N, bà H không thanh toán phần nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng được quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện phần nghĩa vụ đã bảo lãnh theo quy định tại Điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005 là có cơ sở.

[7] Đối với giấy bảo lãnh của ông Nguyễn Mai H bảo lãnh cho ông N, bà H tăng hạn mức tín dụng của hai thẻ tín dụng Amex và Visa. Ông H cho rằng Ngân hàng đưa cho ông ký nhưng chưa điền thông tin phía trên nên ông không biết việc tăng hạn mức. Xét, ông H có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm cho hành vi của mình và cũng không có chứng cứ chứng minh là đã bị lừa dối hay ép buộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy ông H phải chịu trách nhiệm đối với hai giấy bảo lãnh ngày 09/01/2014 mà ông H đã ký với Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía Ngân hàng chỉ yêu cầu ông H chịu trách nhiệm bảo lãnh cho 40.000.000 đồng đối với thẻ Amex và Visa của ông N và 40.000.000 đồng đối với thẻ Amex và Visa của bà H. Hội đồng xét thấy việc yêu cầu này có lợi cho phía ông H, nên chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng.

[8] Theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của của Ngân hàng TMCP N được chấp nhận nên ông N, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 372, 471, 474, 361, 369 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng khoản 2 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Áp dụng pháp lệnh án

phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N.

Ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc của thẻ Amex số A0726549 là 47.445.017 đồng, tiền lãi là 18.312.976 đồng, phí phạt chậm trả là 40.113.846 đồng. Số tiền gốc của thẻ visa V0733905 là 48.857.480 đồng, tiền lãi là 18.644.580 đồng, phí phạt chậm trả là 43.061.677 đồng. Tổng số tiền của hai thẻ là 216.435.576 (hai trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi sáu) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc của thẻ Amex số A07726548 là 34.750.397 đồng, tiền lãi là 16.761.963 đồng, phí phạt chậm trả là 38.340.590 đồng. Số tiền gốc của thẻ Visa V0733904 là 48.284.528 đồng, tiền lãi là 22.661.670 đồng, phí phạt chậm trả là 62.901.996 đồng. Tổng số tiền của hai thẻ là 223.701.144 (hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn một trăm bốn mươi bốn) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/9/2017, ông N bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Nếu ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu người bảo lãnh là Công ty TNHH Công nghệ T (tên cũ là Công ty TNHH thương mại du lịch T) và ông Nguyễn Mai H cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình.

Cụ thể: Công ty TNHH Công nghệ T bảo lãnh hạn mức 10.000.000 (mười triệu) đồng cho thẻ Amex số A0726549 và 10.000.000 (mười triệu) đồng cho thẻ visa V0733905 của ông N. Hạn mức 10.000.000 (mười triệu) đồng cho thẻ Amex số A07726548 và 10.000.000 (mười triệu) đồng cho thẻ Visa V0733904 của bà H.

Ông Nguyễn Mai H bảo lãnh hạn mức 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho thẻ Amex số A0726549 và 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho thẻ visa V0733905 của ông N. Hạn mức 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho thẻ Amex số A07726548 và 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho thẻ Visa V0733904 của bà H.

Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự: Ông N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.821.778 (mười triệu tám trăm hai mươi một ngàn bảy trăm bảy mươi tám) đồng. Bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.185.057 (mười một triệu một trăm tám mươi lăm ngàn không trăm năm mươi bảy) đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 3.313.000 (ba triệu ba trăm mười ba ngàn) đồng theo biên lai thu số 0016067 ngày 25/5/2016 và số tiền tạm ứng án phí là 3.187.000 (ba triệu một trăm tám mươi bảy) đồng theo biên lai thu số 0016066 ngày 25/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp cho Ngân hàng TMCP N.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM.
- VKSNDQGV;
- CCTHAQGV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu